

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 77

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 3 tháng 9 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2020 từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 4 tháng 2 năm 2020
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	bổ nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2019
Ông Hiroaki Yashiro	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2019
Ông Nguyễn Hữu Long	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2019

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Minh Hải	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019 miễn nhiệm ngày 6 tháng 9 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Quyền Phó Tổng Giám đốc Thường trực	bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Như Hùng	Quyền Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019
Bà Nguyễn Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2019

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đinh Xuân Cường, Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Đỗ Huy Cường, Quyền Phó Tổng Giám đốc Thường trực, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy Ủy quyền số 0715.01/2019/UQ-APH ngày 15 tháng 7 năm 2019.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Đỗ Huy Cường  
Quyền Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61515942/21222048-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 6 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 77, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 40 của báo cáo tài chính hợp nhất. Công ty và các công ty con đã thực hiện phân loại lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 với đoạn nhấn mạnh về việc Công ty và các công ty con chưa phân loại các khoản vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn với số tiền là 201.611.459.555 VND.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Phùng Mạnh Phú  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1



Nguyễn Thu Hằng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.564.306.650.727</b>	<b>3.985.662.536.622</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>321.446.345.314</b>	<b>652.350.371.008</b>
111	1. Tiền		255.570.865.864	224.510.776.961
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.875.479.450	427.839.594.047
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>1.298.322.102.192</b>	<b>748.906.460.274</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	59.670.020.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	1.238.652.082.192	748.906.460.274
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.438.427.006.275</b>	<b>1.571.781.032.554</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	894.155.689.064	690.177.057.357
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	650.053.568.494	532.707.300.141
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	606.831.903.835	251.910.169.669
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	287.385.844.882	96.986.505.387
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>1.333.129.827.146</b>	<b>863.766.911.261</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.334.376.916.361	866.517.428.792
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.247.089.215)	(2.750.517.531)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>172.981.369.800</b>	<b>148.857.761.525</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	18	34.003.902.042	21.260.853.008
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		137.622.679.944	124.891.053.058
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	22	1.354.787.814	2.705.855.459

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>4.423.690.235.212</b>	<b>4.205.599.662.667</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>84.627.437.066</b>	<b>39.011.243.133</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	45.700.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	38.927.437.066	39.011.243.133
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.480.644.164.978</b>	<b>2.201.033.536.315</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.346.888.241.339	2.116.000.413.144
222	Nguyên giá		3.338.940.951.166	2.860.770.157.911
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(992.052.709.827)	(744.769.744.767)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	42.275.000.002	-
225	Nguyên giá		43.016.666.668	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(741.666.666)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	91.480.923.637	85.033.123.171
228	Nguyên giá		104.561.738.082	94.954.558.865
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.080.814.445)	(9.921.435.694)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>222.816.109.964</b>	-
231	1. Nguyên giá		228.536.485.004	-
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(5.720.375.040)	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>364.394.998.682</b>	<b>1.208.008.703.897</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	364.394.998.682	1.208.008.703.897
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>313.900.361.152</b>	<b>512.364.559.909</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17.1	197.294.461.152	434.010.393.909
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	8.225.900.000	29.974.166.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.3	108.380.000.000	48.380.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>957.307.163.370</b>	<b>245.181.619.413</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	285.444.045.969	65.764.541.588
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	189.900.417	709.491.809
268	3. Tài sản dài hạn khác	19	25.639.830.000	-
269	4. Lợi thế thương mại	20	646.033.386.984	178.707.586.016
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>9.987.996.885.939</b>	<b>8.191.262.199.289</b>

118  
 CÔNG  
 TẮ  
 ST  
 TẾ  
 HI  
 HÀ  
 KIẾ



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.924.897.069.446</b>	<b>5.257.742.693.053</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.780.899.952.418</b>	<b>3.912.733.875.196</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	21.1	745.160.015.717	622.977.547.465
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.2	98.820.469.883	43.876.545.842
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	32.419.596.491	14.155.955.376
314	4. Phải trả người lao động		51.566.661.931	21.090.586.121
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	39.510.028.240	9.072.519.059
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	41.875.937.911	453.141.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	25	15.047.414.929	409.077.182.514
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26	2.745.026.272.194	2.791.405.987.783
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27	11.473.555.122	624.409.218
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.143.997.117.028</b>	<b>1.345.008.817.857</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	77.441.518.886	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	25	24.231.793.347	-
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	26	2.019.936.839.227	1.344.999.539.692
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	22.386.965.568	9.278.165
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.063.099.816.493</b>	<b>2.933.519.506.236</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>28</b>	<b>4.063.099.816.493</b>	<b>2.933.519.506.236</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.423.773.390.000	1.282.943.480.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.282.624.590.000	1.141.794.680.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		141.148.800.000	141.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		485.506.089.100	274.415.220.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(337.778.069)	(39.715.243)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		8.865.207.437	4.342.704.908
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)		188.129.122.503	(264.084.110.602)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(275.819.862.668)	(294.427.182.868)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		463.948.985.171	30.343.072.266
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		1.957.163.785.522	1.635.941.927.173
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>9.987.996.885.939</b>	<b>8.191.262.199.289</b>

Nguyễn Thị Lan  
Người lập

Hồ Thị Hòa  
Kế toán trưởng

Phạm Đỗ Huy Cường  
Quyền Phó Tổng Giám đốc  
Thường trực

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	9.533.506.528.029	8.035.142.439.527
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	(20.310.950.477)	(7.804.571.068)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	9.513.195.577.552	8.027.337.868.459
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(8.431.516.725.941)	(7.353.193.244.143)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.081.678.851.611	674.144.624.316
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	483.243.743.357	67.432.852.265
22	7. Chi phí tài chính	31	(316.795.061.693)	(212.218.626.054)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>		<i>(263.496.617.519)</i>	<i>(129.275.096.264)</i>
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	17.1	25.183.901.258	8.437.858.618
25	9. Chi phí bán hàng	32	(220.233.921.035)	(157.031.943.750)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(237.539.613.708)	(171.160.906.003)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		815.537.899.790	209.603.859.392
31	12. Thu nhập khác		10.581.875.411	11.293.570.812
32	13. Chi phí khác		(3.831.716.583)	(2.941.125.526)
40	14. Lợi nhuận khác		6.750.158.828	8.352.445.286
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		822.288.058.618	217.956.304.678
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.1	(87.653.042.996)	(42.772.027.927)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	34.3	(22.897.278.795)	936.618.304
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		711.737.736.827	176.120.895.055
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		437.962.861.067	30.343.072.266
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		273.774.875.760	145.777.822.789



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	3.433	(1)
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	36	3.433	(1)



Nguyễn Thị Lan  
Người lập



Hồ Thị Hòe  
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường  
Quyền Phó Tổng Giám đốc  
Thường trực

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>822.288.058.618</b>	<b>217.956.304.678</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ lợi thế thương mại	33	297.244.302.746	266.436.825.378
03	Các khoản dự phòng	10	(1.503.428.316)	2.750.517.531
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.170.888.113	1.908.056.644
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(459.510.649.351)	(54.563.728.449)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	31	268.431.981.151	129.275.096.264
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>934.121.152.961</b>	<b>563.763.072.046</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(514.304.853.318)	(56.203.666.437)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		171.337.491.359	(329.349.369.466)
11	Tăng các khoản phải trả		227.562.470.340	45.412.637.414
12	Tăng chi phí trả trước		(28.086.920.042)	(30.912.635.378)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(59.670.020.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(257.933.168.023)	(127.943.186.414)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(70.601.449.339)	(46.142.737.521)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	70.000.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	27	(43.776.716.966)	(50.900.934.560)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>358.647.986.972</b>	<b>37.723.179.684</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(534.422.811.172)	(1.753.192.754.206)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		8.263.029.637	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.721.811.388.463)	(1.214.074.062.976)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.303.306.964.981	484.186.433.033
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(625.577.106.578)	(916.665.745.992)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		124.740.042.569	455.025.570.290
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		82.536.997.134	31.606.675.448
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.362.964.271.892)</b>	<b>(2.913.113.884.403)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		140.232.000.000	1.431.956.552.000
33	Tiền thu từ đi vay		8.998.620.130.694	8.033.645.643.355
34	Tiền trả nợ gốc vay		(8.401.871.727.274)	(6.345.333.868.968)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(1.093.958.334)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(61.874.485.687)	(103.339.569.904)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>674.011.959.399</b>	<b>3.016.928.756.483</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>		<b>(330.304.325.521)</b>	<b>141.538.051.764</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>652.350.371.008</b>	<b>510.982.817.301</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(599.700.173)	(170.498.057)
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>321.446.345.314</b>	<b>652.350.371.008</b>

Nguyễn Thị Lan  
Người lập

Hồ Thị Hòa  
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường  
Quyền Phó Tổng Giám đốc  
Thường trực

Ngày 6 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 3 tháng 9 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Công ty và các công ty con bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp cho đến thời điểm hoàn thành và bàn giao cho khách hàng, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Công ty và các công ty con có thể kéo dài trên 12 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động thông thường khác là 12 tháng.

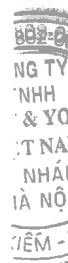
Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 108 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 99 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 11 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 8 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”) (*)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	48,08	48,08	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”) (**)	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	25,74	52,21	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
3	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”) (**)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	48,08	100	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
4	Công ty TNHH Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”) (**) (***)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	43,27	90	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”) (**)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	25,74	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)**

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần An Thành Biscol ("Công ty An Thành") (**)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	43,86	95,29	Kinh doanh hạt nhựa
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (**)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	32,13	70	Vận tải hàng hóa
8	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (*)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	55,17	55,17	Sản xuất linh kiện, phụ kiện nhựa ngành ô tô, xe máy, linh kiện nhựa điện tử
9	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (**)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	55,17	100	Sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm nhựa (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở)
10	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty Viexim") (**)	Thôn Hảo, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	55,17	100	Sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp xây dựng, điện tử viễn thông, ô tô, xe máy, các sản phẩm ngành công nghiệp khác và các mặt hàng nhựa gia dụng; Sản xuất các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và các ngành công nghiệp khác
11	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (**)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	55,17	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

(\*) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Nhựa An Phát Xanh thông qua việc nắm giữ 48,08% quyền biểu quyết trong Công ty Nhựa An Phát Xanh và có 4/5 thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Nhựa An Phát Xanh.

(\*\*) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp qua công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức*** (tiếp theo)

(\*\*\*) Công ty An Phát Complex 1 được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp cấp ngày 25 tháng 9 năm 2019 với vốn điều lệ 100 tỷ VND. Trong đó, Công ty An Phát Complex, một công ty con, cam kết góp 90 tỷ VND, chiếm 90% tổng vốn điều lệ của Công ty An Phát Complex 1. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty An Phát Complex còn phải góp 90 tỷ VND vào Công ty An Phát Complex 1.

Trong tháng 3 năm 2019, Công ty và Công ty An Thành, công ty con, đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ trong Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”) và Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”).

Ngoài ra, trong tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 6,39% cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội, theo đó, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này lên 55,17% và Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty con của Công ty. Tại ngày mua, Công ty Nhựa Hà Nội đang nắm giữ khoản đầu tư vào 3 công ty con. Thông qua giao dịch này, Công ty cũng gián tiếp sở hữu các công ty con này của Công ty Nhựa Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 17.1.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty và các công ty con chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con và giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 Hàng tồn kho

##### *Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản khu công nghiệp được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty và các công ty con, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa bất động sản đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí đầu giá quyền sử dụng đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, chi phí quản lý xây dựng chung, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích hoặc giá trị hợp lý tương ứng của bất động sản đó.

##### *Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |
|---|---|
| Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang             | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

1186  
CÔNG  
TY  
ST &  
KIẾ  
HI N  
HÀ  
KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	5 - 30 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 49 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	8 - 10 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 năm
Tài sản khác	6 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Quyền sử dụng đất tương ứng với các lô đất cho thuê hoặc sử dụng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê đất và thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

**3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

*Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát*

Khi Công ty mua thêm lợi ích trong công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần lợi ích mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

Khi Công ty chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần lợi ích đã chuyển nhượng được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

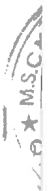
Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp Công ty và các công ty con tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết nhưng chưa có quyền kiểm soát trong công ty liên kết này, khoản đầu tư tăng lên trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Trường hợp Công ty và các công ty con tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết, khi đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư của công ty liên kết được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào liên doanh*

Khoản đầu tư của Công ty và các công ty con vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Công ty và các công ty con vào công ty liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong tài sản thuần của công ty liên doanh sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên doanh được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của công ty liên doanh được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được cản trừ vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Trường hợp Công ty có một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc giảm vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 *Người mua trả tiền trước*

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản “Người mua trả tiền trước” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Công ty An Thành Singapore, một công ty con của Công ty, được chuyển đổi sang VND dựa trên:

- ▶ Báo cáo tài chính được trình bày bằng USD và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- ▶ Hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng USD sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND của Thông tư 200/2014-TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- ▶ Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

#### 3.16 *Cổ phiếu ưu đãi*

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

81  
 CỎ  
 7  
 NSI  
 VII  
 CHI  
 H  
 NK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Trái phiếu kèm chứng quyền**

Trái phiếu kèm chứng quyền với điều khoản chứng quyền có thể thực hiện quyền mua cổ phần của Công ty hoặc các công ty con, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần chứng quyền có thể thực hiện quyền mua cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên (do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được phát hành cho việc nhà đầu tư thực hiện quyền mua của chứng quyền) và đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả dài hạn.

**3.18 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.19 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS  
 NG 1  
 NH & Y  
 TN  
 NH  
 A N  
 EM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất*

Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua và doanh thu có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn.

Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất cũng bao gồm doanh thu ghi nhận một lần từ việc cho thuê dài hạn bất động sản. Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty và các công ty con lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

##### *Doanh thu bán nhà xưởng*

Doanh thu bán nhà xưởng được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu nhà xưởng được chuyển giao cho người mua và doanh thu có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn.

##### *Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư*

Doanh thu cho thuê bất động sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

##### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.21 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.22 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Công ty và các công ty con theo hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp và dựa trên khu vực địa lý của việc bán hàng.

#### 3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON TRONG NĂM**

**4.1 Giao dịch hợp nhất kinh doanh**

*Mua Công ty Nhựa Hà Nội, công ty con mới*

Trong tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 2.200.000 cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội, tương ứng với 6,39% tỷ lệ sở hữu, với tổng giá phí được trả bằng tiền là 88,13 tỷ VND thông qua giao dịch thỏa thuận với một số cá nhân, theo đó, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này lên 55,17% và Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty con của Công ty. Tại ngày mua, Công ty Nhựa Hà Nội đang nắm giữ 100% cổ phần trong Công ty An Trung Industries, Công ty Viexim và Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam. Thông qua giao dịch này, Công ty cũng gián tiếp sở hữu các công ty nói trên. Hoạt động chính của Công ty Nhựa Hà Nội là sản xuất linh kiện, phụ kiện nhựa ngành ô tô, xe máy, linh kiện nhựa điện tử.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Nhựa Hà Nội và các công ty con của Công ty Nhựa Hà Nội tại ngày mua được trình bày như sau:

*Đơn vị tính: VND*

*Giá trị hợp lý tại ngày mua*

<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.593.173.895
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	138.924.255.460
Trả trước cho người bán ngắn hạn	27.224.701.322
Phải thu về cho vay ngắn hạn	63.863.643.835
Phải thu ngắn hạn khác	111.430.748.193
Hàng tồn kho	111.811.466.350
Tài sản cố định hữu hình	325.171.284.877
Tài sản cố định vô hình	6.775.929.217
Tài sản cố định thuê tài chính	43.016.666.668
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	70.057.683.770
Chi phí trả trước dài hạn	80.916.543.487
Các tài sản khác	43.804.023.830
	<b>1.121.590.120.904</b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Phải trả ngắn hạn người bán	154.924.894.351
Vay ngắn hạn	207.020.767.484
Vay dài hạn	210.474.857.230
Các khoản phải trả khác	71.532.743.482
	<b>477.636.858.357</b>
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>477.636.858.357</b>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(214.132.203.630)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 20)	496.627.345.273
	<b>760.132.000.000</b>
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh (i)</b>	<b>760.132.000.000</b>
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con</b>	
Tiền thu về từ công ty con	52.093.173.895
Tiền chi để mua công ty con	(88.132.000.000)
	<b>(36.038.826.105)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào nghiệp vụ mua</b>	<b>(36.038.826.105)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CÔNG TY CON TRONG NĂM** (tiếp theo)

**4.1 Giao dịch hợp nhất kinh doanh** (tiếp theo)

(i) Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 760,13 tỷ VND bao gồm 88,13 tỷ VND đã được thanh toán bằng tiền và 672 tỷ VND là giá trị hợp lý của khoản đầu tư của Công ty vào 48,78% tỷ lệ sở hữu của Công ty Nhựa Hà Nội trước thời điểm mua. Công ty đã đánh giá lại giá trị khoản đầu tư này theo giá trị hợp lý và chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 241,1 tỷ VND được ghi nhận vào chỉ tiêu doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 29.2).

Kể từ ngày mua, Công ty Nhựa Hà Nội và các công ty con đã đóng góp 10,4 tỷ VND vào lợi nhuận thuần trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Công ty Nhựa Hà Nội và các công ty con trong năm và đến trước ngày hợp nhất lần lượt là 987,2 tỷ VND và 57,7 tỷ VND.

**4.2 Các giao dịch chuyển nhượng quan trọng**

*Giao dịch bán Công ty An Cường*

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2019, Công ty An Thành, công ty con đã chuyển nhượng toàn bộ 65,0% cổ phần nắm giữ trong Công ty An Cường cho một đối tác doanh nghiệp ("Đối tác doanh nghiệp số 1") với tổng giá phí chuyển nhượng là 37 tỷ VND. Khoản lãi từ giao dịch này là 18,2 tỷ VND được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 29.2).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền kiểm soát cũng như ảnh hưởng đáng kể trong Công ty An Cường. Khoản đầu tư còn lại vào Công ty An Cường được trình bày là khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 17.2).

*Giao dịch bán Công ty An Vinh*

Vào ngày 12 tháng 3 năm 2019, Công ty đã nhận chuyển nhượng 52,84% cổ phần trong Công ty An Vinh, công ty con, từ Công ty An Thành, một công ty con khác, với giá phí là 80 tỷ VND, qua đó tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ trong công ty An Vinh. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần lợi ích mua thêm được ghi nhận vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với giá trị là 37,9 tỷ VND (Thuyết minh số 28).

Sau đó, vào ngày 15 tháng 3 năm 2019, Công ty hoàn tất giao dịch chuyển nhượng 94,82% cổ phần trong Công ty An Vinh cho Đối tác doanh nghiệp số 1 với giá phí là 190 tỷ VND. Khoản lãi từ giao dịch này là 54,4 tỷ VND được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 29.2).

**4.3 Giao dịch mua công ty với mục đích nắm giữ để bán**

*Góp vốn vào Công ty TLC Korea*

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2019, Công ty An Thành Singapore, một công ty con, đã hoàn tất việc chuyển đổi khoản vay cho Công ty TLC Korea thành vốn góp vào Công ty này với tổng giá trị góp vốn là 59,7 tỷ VND, qua đó nắm giữ 51% phần vốn góp trong công ty này.

Công ty và các công ty con đánh giá giao dịch góp vốn vào Công ty TLC Korea là giao dịch với mục đích nắm giữ để bán lại trong khoảng thời gian không quá 12 tháng. Vì vậy, Công ty không hợp nhất báo cáo tài chính của công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	11.332.624.602	25.628.484.359
Tiền gửi ngân hàng	241.015.858.432	198.882.292.602
Tiền đang chuyển	3.222.382.830	-
Các khoản tương đương tiền	<u>65.875.479.450</u>	<u>427.839.594.047</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>321.446.345.314</u></b>	<b><u>652.350.371.008</u></b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bằng VND với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 4,8% đến 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 4,2%/năm đến 7,4%/năm cho tiền gửi bằng VND).

Một số tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với giá trị khoảng 5 tỷ VND đã được thế chấp cho một số khoản vay ngân hàng của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26, và 1,1 tỷ VND đã được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam – chi nhánh Hải Dương để đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty An Phát Complex với Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

**6.1 Chứng khoán kinh doanh**

Số cuối năm là khoản đầu tư vào 93.673 cổ phần trong Công ty TLC Korea, nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng như trình bày tại Thuyết minh số 4.3.

**6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.028.126.082.192	1.028.126.082.192	388.006.460.274	388.006.460.274
Trái phiếu (ii)	210.526.000.000	210.526.000.000	360.900.000.000	360.900.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.238.652.082.192</b>	<b>1.238.652.082.192</b>	<b>748.906.460.274</b>	<b>748.906.460.274</b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5%/năm đến 7,9%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5,3%/năm đến 7,6%/năm).

Một số tài khoản tiền gửi với giá trị khoảng 167,6 tỷ VND đã được thế chấp cho một số khoản vay ngân hàng của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

(ii) Bao gồm các khoản trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers không có tài sản đảm bảo và có thời gian mua lại cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Trái phiếu</i>	<i>Thời gian mua lại</i>	<i>Số tiền theo mệnh giá (VND)</i>	<i>Số tiền mua lại (VND)</i>
1	Công ty TNHH Ataka	Tháng 3 năm 2020	38.000.000.000	38.710.811.111
2	Công ty TNHH MTV Yamagata	Tháng 3 năm 2020	30.000.000.000	33.850.750.000
3	Công ty Cổ phần Azura	Tháng 2 năm 2020	30.000.000.000	30.567.333.333
4	Công ty Cổ phần Azura	Tháng 5 năm 2020	18.900.000.000	21.206.010.000
5	Công ty Cổ phần Azura	Tháng 2 năm 2020	10.000.000.000	10.193.222.222
6	Công ty Cổ phần An Phát Finance	Tháng 1 năm 2020	20.021.000.000	20.114.248.493
7	Công ty Cổ phần An Phát Finance	Tháng 1 năm 2020	15.000.000.000	15.063.863.014
8	Công ty Cổ phần An Phát Finance	Tháng 1 năm 2020	15.000.000.000	15.069.863.014
9	Công ty Cổ phần An Phát Finance	Tháng 1 năm 2020	15.000.000.000	15.063.698.630
10	Công ty Cổ phần An Phát Finance	Tháng 1 năm 2020	18.605.000.000	18.691.653.425
	<b>Tổng cộng</b>		<b>210.526.000.000</b>	<b>218.531.453.242</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh nhựa và bao bì	806.647.617.681	680.794.060.267
Phải thu từ cho thuê đất, hạ tầng khu công nghiệp và bán nhà xưởng	58.783.515.053	-
Phải thu từ cung cấp dịch vụ	28.724.556.330	9.382.997.090
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>894.155.689.064</b>	<b>690.177.057.357</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	886.943.391.699	690.177.057.357
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	7.212.297.365	-

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước chi phí xây dựng (i)	485.817.110.760	44.026.075.137
Trả trước chi phí mua nguyên vật liệu, công cụ	126.206.191.664	101.687.582.978
Trả trước chi phí mua tài sản (ii)	5.482.715.400	381.693.385.000
Khác	32.547.550.670	5.300.257.026
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>650.053.568.494</b>	<b>532.707.300.141</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho người bán</i>	649.695.844.094	532.707.300.141
<i>Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	357.724.400	-

(i) Chủ yếu là số dư ứng trước cho Công ty Cổ phần Xây lắp ANI ("Công ty ANI") cho mục đích xây dựng các nhà xưởng thuộc Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex và nhà máy sản xuất hạt nhựa và bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn (Nhà máy số 8).

(ii) Số đầu năm chủ yếu là khoản ứng trước của đợt đầu tiên theo Hợp đồng mua bán máy móc số 1511/2018/HĐMB ngày 15 tháng 11 năm 2018 với Đối tác doanh nghiệp số 1 nhằm mua một số máy móc thiết bị với tổng giá trị hợp đồng là 484,7 tỷ VND. Thời gian giao hàng là 12 tháng kể từ ngày ứng trước đợt đầu tiên với số tiền là 380,2 tỷ VND. Trong tháng 11 năm 2019, Công ty đã thanh lý hợp đồng với đối tác doanh nghiệp này và đồng thời chuyển đổi khoản phải thu thành khoản cho vay đối tác này như được trình bày tại Thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Đối tác doanh nghiệp số 1 (i)	457.492.960.000	8.500.000.000
Công ty ANI (ii)	61.863.643.835	-
Công ty An Cường (iii)	14.000.000.000	-
Nguyễn Thị Hồng Bích (iv)	9.600.000.000	-
Nguyễn Cao Đại (v)	9.000.000.000	-
Công ty An Vinh (vi)	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xơ sợi Tổng hợp An Sơn	-	34.344.860.000
Công ty Cổ phần An Phát Finance (“Công ty An Phát Finance”) (tên trước đây là công ty Cổ phần Nước giải khát Quốc tế An Duy)	-	34.580.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Việt và Dương	-	49.710.000.000
Cho vay đối tượng khác	46.875.300.000	124.775.309.669
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>606.831.903.835</b>	<b>251.910.169.669</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn khác</i>	<i>601.516.603.835</i>	<i>217.330.169.669</i>
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>5.315.300.000</i>	<i>34.580.000.000</i>
<b>Dài hạn</b>		
Công ty An Cường (vii)	26.700.000.000	-
Công ty An Vinh (viii)	19.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>45.700.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Chủ yếu bao gồm:

- ▶ Khoản cho vay 380,4 tỷ VND được đảm bảo bằng cổ phần Công ty An Vinh, đáo hạn trong vòng 12 tháng và hưởng lãi suất 6%/năm; và
- ▶ Khoản cho vay 70 tỷ VND không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay đáo hạn trong vòng 10 tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

(ii) Đây là các khoản cho Công ty ANI vay không có tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng vay đáo hạn trong vòng 12 tháng và hưởng lãi suất 7%/năm.

(iii) Đây là các khoản cho Công ty An Cường vay không có tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng vay đáo hạn trong vòng 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6,5% đến 8%/năm.

(iv) Đây là các khoản cho cá nhân Nguyễn Thị Hồng Bích vay theo các Hợp đồng vay đáo hạn trong vòng 12 tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm. Trong đó, khoản cho vay 9 tỷ VND có tài sản đảm bảo là 150.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (“Công ty Nhựa Bao bì Vinh”).

(v) Đây là các khoản cho cá nhân Nguyễn Cao Đại vay theo Hợp đồng vay đáo hạn trong vòng 12 tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm. Khoản cho vay này có tài sản đảm bảo là 150.000 cổ phần của Công ty Nhựa Bao bì Vinh.

(vi) Đây là các khoản cho Công ty An Vinh vay không có tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng vay đáo hạn trong vòng 10 tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**

(vii) Đây là các khoản cho Công ty An Cường vay không có tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng vay đáo hạn trong vòng 24 tháng và hưởng lãi suất 8%/năm.

(viii) Đây là các khoản cho Công ty An Vinh vay không có tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng vay đáo hạn trong vòng 24 tháng và hưởng lãi suất 10%/năm.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Đặt cọc mua cổ phần (i)	171.061.239.696	-
Lãi cho vay, tiền gửi và lãi đặt cọc phải thu	64.107.842.304	11.338.038.636
Tạm ứng cho nhân viên	31.309.096.450	48.118.954.033
Ký cược, ký quỹ	11.664.498.459	14.635.352.277
Phải thu khác	9.243.167.973	22.894.160.441
	<b>287.385.844.882</b>	<b>96.986.505.387</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>281.748.023.311</i>	<i>70.220.600.687</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	<i>5.637.821.571</i>	<i>26.765.904.700</i>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	16.428.571.420	16.921.428.568
Ký cược, ký quỹ	5.439.572.646	4.319.171.565
Phải thu khác (iii)	17.059.293.000	17.770.643.000
	<b>38.927.437.066</b>	<b>39.011.243.133</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		

(i) Số cuối năm là các khoản đặt cọc cho một số cá nhân theo các thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Nhựa Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, một số hợp đồng đặt cọc này đã được thanh lý và hưởng lãi suất 6,5%/năm tính từ ngày đặt cọc. Các khoản phải thu này được cầm cố bằng một số cổ phần của Công ty Nhựa Hà Nội được nắm giữ bởi các cá nhân nhận đặt cọc này.

(ii) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương và Công ty Cổ phần Du thuyền Quốc tế Bảo Yến để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành.

(iii) Chủ yếu là số dư tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa và bao bì số 8 ("Nhà máy số 8") từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 12 năm 2043.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	450.096.644.126	-	359.104.802.220	-
Hạ tầng khu công nghiệp thuộc Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex để bán	318.652.760.761	-	-	-
Thành phẩm	169.716.702.486	-	142.565.397.053	-
Hàng mua đang đi đường	162.443.352.129	-	128.007.527.602	-
Hàng hóa	157.222.682.833	(1.247.089.215)	186.259.817.175	(2.750.517.531)
Công cụ, dụng cụ	38.555.008.542	-	35.468.266.432	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.969.665.255	-	15.111.618.310	-
Hàng gửi bán	720.100.229	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.334.376.916.361</b>	<b>(1.247.089.215)</b>	<b>866.517.428.792</b>	<b>(2.750.517.531)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.750.517.531	-
Dự phòng trích lập và sử dụng trong năm	(1.503.428.316)	2.750.517.531
Số cuối năm	1.247.089.215	2.750.517.531

Một số hàng tồn kho với giá trị khoảng 1.046 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Công ty và công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản khác	Tổng cộng
Số đầu năm	708.700.297.550 (84.000.600)	1.787.704.068.979 647.636.364	307.148.238.442	13.468.351.730 (563.635.764)	15.552.983.000	28.196.218.210	2.860.770.157.911
- Phân loại lại	-	122.489.759.776	15.052.247.675	2.801.827.590	-	1.622.776.059	141.966.611.100
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.699.128.092	-	-	-	-	-	26.699.128.092
- Tặng do mua công ty con (Thuyết minh số 4)	78.609.509.634 (775.955.680)	235.500.996.737 (6.110.847.140)	9.529.697.326 (6.380.330.853)	1.531.081.180 (1.051.554.141)	-	-	325.171.284.877 (14.354.650.814)
- Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(536.000.000)	(642.680.000)	(132.900.000)	-	-	(1.311.580.000)
Số cuối năm	813.148.978.996	2.139.695.614.716	324.707.172.590	16.053.170.595	15.517.020.000	29.818.994.269	3.338.940.951.166
<b>Trong đó:</b>							
Đã khấu hao hết	1.501.617.604	78.967.414.936	13.529.555.350	-	787.710.000	225.000.000	95.011.297.890
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>							
Số đầu năm	100.701.125.611 (18.200.000)	542.167.779.921 31.139.222	82.878.570.164	4.044.655.568 (12.939.222)	6.344.593.704	8.633.019.799	744.769.744.767
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	36.974.734.583 (775.955.680)	179.229.860.318 (6.110.847.140)	36.120.429.275 (2.891.082.494)	2.040.218.924 (1.051.554.141)	778.228.872 (35.963.000)	3.127.079.016	258.270.550.988 (10.865.402.455)
- Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	(8.933.334)	(96.747.522)	(16.502.617)	-	-	(122.183.473)
Số cuối năm	136.881.704.514	715.308.998.987	116.011.169.423	5.003.878.512	7.086.859.576	11.760.098.815	992.052.709.827
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Số đầu năm	607.999.171.939	1.245.536.289.058	224.269.668.278	9.423.696.162	9.208.389.296	19.563.198.411	2.116.000.413.144
Số cuối năm	676.267.274.482	1.424.386.615.729	208.696.003.167	11.049.292.083	8.430.160.424	18.058.895.454	2.346.888.241.339

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại khoảng 2.205 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Máy móc thiết bị  
sản xuất

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	-
- Tăng do mua công ty con (Thuyết minh số 4)	43.016.666.668
Số cuối năm	43.016.666.668

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Số đầu năm	-
- Khấu hao trong năm	741.666.666
Số cuối năm	741.666.666

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	-
Số cuối năm	42.275.000.002

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	94.014.058.865	940.500.000	94.954.558.865
- Mua trong năm	-	3.043.250.000	3.043.250.000
- Tăng do mua công ty con (Thuyết minh số 4)	-	6.775.929.217	6.775.929.217
- Giảm khác	-	(32.000.000)	(32.000.000)
- Giảm do bán công ty con	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Số cuối năm	94.014.058.865	10.547.679.217	104.561.738.082
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	9.643.362.147	278.073.547	9.921.435.694
- Tăng trong năm	2.857.844.184	352.321.563	3.210.165.747
- Giảm khác	-	(32.000.000)	(32.000.000)
- Giảm do bán công ty con	-	(18.786.996)	(18.786.996)
Số cuối năm	12.501.206.331	579.608.114	13.080.814.445
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	84.370.696.718	662.426.453	85.033.123.171
Số cuối năm	81.512.852.534	9.968.071.103	91.480.923.637

Một số tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại khoảng 84,8 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	175.801.488.156	36.395.031.765	2.851.715.129	13.488.249.954	228.536.485.004
Số cuối năm	175.801.488.156	36.395.031.765	2.851.715.129	13.488.249.954	228.536.485.004
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	2.987.066.178	1.807.374.856	210.259.100	715.674.906	5.720.375.040
Số cuối năm	2.987.066.178	1.807.374.856	210.259.100	715.674.906	5.720.375.040
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	172.814.421.978	34.587.656.909	2.641.456.029	12.772.575.048	222.816.109.964

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty và các công ty con đang trong quá trình thu thập các dữ liệu cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

Một số bất động sản đầu tư với giá trị còn lại khoảng 69,8 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 29.3.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong năm, Công ty và các công ty con đã vốn hóa chi phí đi vay tổng số tiền là 19,5 tỷ VND (2018: 0 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan trực tiếp đến các khoản vay để đầu tư xây dựng cơ bản.

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex (*)	161.987.026.312	856.387.576.708
Nhà máy số 8	131.792.632.650	65.325.601.046
Máy móc thiết bị chờ lắp đặt	70.615.339.720	2.131.433.651
Nhà máy sản xuất bao bì An Vinh	-	240.347.922.627
Nhà máy sản xuất vật liệu An Cường	-	30.815.048.565
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	13.001.121.300
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>364.394.998.682</u></b>	<b><u>1.208.008.703.897</u></b>

(\*) Chủ yếu bao gồm chi phí đầu giá quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà xưởng, chi phí mua sắm máy móc thiết bị và các chi phí khác liên quan một số lô đất và tài sản gắn liền trên đất được phân loại cho mục đích cho thuê hoạt động thuộc Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex. Việc phân loại này dựa trên kế hoạch hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty và các công ty con đối với các lô đất này.

Một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất với giá trị là 178,7 tỷ VND đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư vào công ty liên kết Công ty Nhựa Hà Nội (Thuyết minh số 4)	67.949.784.218	-	29.443.504.000	339.442.461.408	-
Công ty Nhựa Bao bì Vinh Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt ("Công ty Nam Việt")	16.680.440.814	-	(*)	-	220.529.723.400
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise")	15.179.449.802	-	(*)	-	34.044.051.500
Đầu tư vào công ty liên doanh Công ty TNHH Linh kiện nhựa Ô tô Vinfast – An Phát ("Công ty Vinfast – An Phát")	97.484.786.318	-	(*)	30.000.000.000	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác	8.225.900.000	-	(*)	29.974.166.000	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	108.380.000.000	-	(*)	48.380.000.000	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>313.900.361.152</b>	<b>-</b>	<b>512.364.559.909</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty và các công ty con đang trình thu thập các dữ liệu cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư và trái phiếu này.

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Nhựa Bao bì Vinh được tính dựa trên giá cổ phiếu của công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

##### 17.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm		Hoạt động chính
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
Công ty Nhựa Hà Nội (i)	-	-	49,68	49,68	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa công nghiệp
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	24,54	24,54	24,54	24,54	Sản xuất mua bán bao bì và các sản phẩm nhựa khác
Công ty Nam Việt (ii)	50	50	-	-	Cung cấp phần mềm và các dịch vụ phần mềm liên quan
Công ty Sunrise (iii)	48	48	-	-	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>					
Công ty Vinfast – An Phát (iv)	50	50	50	50	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe

(i) Vào ngày 28 tháng 11 năm 2018, Công ty hoàn tất việc mua 3.229.438 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 49,68% vốn điều lệ trong Công ty Nhựa Hà Nội với tổng giá phí là 337,1 tỷ VND và Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty liên kết của Công ty.

Vào ngày 23 tháng 1 năm 2019, Công ty đã sử dụng 3.200.000 quyền mua cổ phần trong Công ty Nhựa Hà Nội (mã cổ phiếu NHH), nhận được từ việc mua 3.200.000 cổ phần trong công ty này vào ngày 27 tháng 11 năm 2018, để thực hiện mua 1.870.769 cổ phần NHH. Sau đó, vào ngày 13 tháng 2 năm 2019, Công ty tiếp tục dùng 170.700 quyền mua cổ phần NHH mua được từ Công ty TNHH MTV Cadivi Đông Nai để thực hiện mua 99.793 cổ phần NHH (1 cổ phần được hưởng 1 quyền, 65 quyền mua được 38 cổ phần mới). Tổng giá phí của hai giao dịch này là 89,1 tỷ VND. Công ty cũng đã nhận được 3.200.000 cổ phiếu thưởng NHH từ việc Công ty Nhựa Hà Nội phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu (1 người sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1 cổ phần mới) vào ngày 28 tháng 1 năm 2019. Sau các giao dịch này, Công ty đã nắm giữ 8.400.000 cổ phần NHH, tương đương 50% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Nhựa Hà Nội.

Trong tháng 7 năm 2019, Công ty Nhựa Hà Nội phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn người lao động – ESOP. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Nhựa Hà Nội giảm xuống 48,78%.

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2019, Công ty Nhựa Hà Nội phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, không bao gồm cổ phiếu ESOP. Theo đó, Công ty đã nắm giữ 16.800.000 cổ phần NHH.

Vào tháng 11 năm 2019, Công ty Nhựa Hà Nội trở thành công ty con của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 4.1.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

- (ii) Vào ngày 8 tháng 4 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc mua 50% cổ phần của Công ty Nam Việt, với tổng giá phí là 15 tỷ VND. Theo đó, Công ty Nam Việt trở thành công ty liên kết của Công ty.
- (iii) Trong năm, Công ty An Thành, một công ty con của Công ty, đã tham gia thành lập Công ty Sunrise với tổng giá trị vốn góp cam kết là 24 tỷ VND tương đương 48% vốn điều lệ của công ty này. Theo đó, Công ty Sunrise trở thành công ty liên kết của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty An Thành đã góp 15,2 tỷ VND vào Công ty Sunrise.
- (iv) Công ty Vinfast – An Phát được thành lập theo hợp đồng hợp tác liên doanh ký ngày 2 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty Vinfast – An Phát đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy. Tổng vốn điều lệ của liên doanh này là 208 tỷ VND, trong đó giá trị phần vốn góp của Công ty là 104 tỷ VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp đủ 104 tỷ VND vào liên doanh này.

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh này như sau:

	Số đầu năm	Đầu tư thêm trong năm	Phân chia lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết, liên doanh sau ngày mua	Công ty liên kết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	Giảm tỷ lệ biểu quyết trong công ty liên kết từ giao dịch ESOP	Đánh giá lại giá trị đầu tư vào công ty liên kết trong giao dịch hợp nhất kinh doanh	Đơn vị tính: VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>							
Công ty Nhựa Hà Nội	339.442.461.408	89.091.026.000	23.086.639.617	(1.561.377.517)	(10.772.164.623)	241.113.415.115	(672.000.000.000)
Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh Công ty Nam Việt	64.567.932.501	-	6.988.584.707	(1.398.470.190)	-	-	67.949.784.218
Công ty Sunrise	-	15.000.000.000	1.680.440.814	-	-	-	16.680.440.814
	-	15.236.000.000	(56.550.198)	-	-	-	15.179.449.802
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>							
Công ty Vinfast – An Phát	30.000.000.000	74.000.000.000	(6.515.213.682)	-	-	-	97.484.786.318
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>434.010.393.909</b>	<b>193.327.026.000</b>	<b>25.183.901.258</b>	<b>(2.959.847.707)</b>	<b>(10.772.164.623)</b>	<b>241.113.415.115</b>	<b>(672.000.000.000)</b>
							<b>197.294.461.152</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Tỷ lệ biểu quyết (%) (*)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND) quyết (%) (**)	Tỷ lệ biểu quyết (%) (**)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty An Cường (Thuyết minh số 4)	1,03%	1.500.000.000	-	(**)	-	-	-	-
Công ty An Vinh (i)	1,31%	5.225.900.000	-	(**)	-	-	-	-
Công ty An Phát Finance	15%	1.500.000.000	-	(**)	-	-	-	-
Quyền mua 170.700 cổ phiếu của Công ty Nhựa Hà Nội (Thuyết minh số 17.1)	-	-	-	-	-	29.974.166.000	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>8.225.900.000</b>	<b>-</b>			<b>29.974.166.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tỷ lệ biểu quyết đồng thời là tỷ lệ sở hữu.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang trong quá trình thu thập các dữ liệu cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(i) Sau khi hoàn tất giao dịch chuyển nhượng vốn cổ phần trong Công ty An Vinh (như trình bày tại Thuyết minh số 4.2), vào ngày 15 tháng 5 năm 2019, Công ty đã hoàn thành góp bổ sung 5,2 tỷ VND vốn góp cam kết còn thiếu vào Công ty An Vinh, qua đó nắm giữ 1,31% tỷ lệ sở hữu trong công ty này.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 17.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	108.380.000.000	108.380.000.000	48.380.000.000	48.380.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.380.000.000</b>	<b>108.380.000.000</b>	<b>48.380.000.000</b>	<b>48.380.000.000</b>	

Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	30.000.000.000	Đáo hạn tháng 6 năm 2028	Lãi suất tham chiếu + 0,8%	Tin chấp
	30.000.000.000	Đáo hạn tháng 9 năm 2029	Lãi suất tham chiếu + 0,8%	Tin chấp
	24.000.000.000	Đáo hạn tháng 9 năm 2026	7,9%/năm	Tin chấp
	6.000.000.000	Đáo hạn tháng 9 năm 2029	8,1%/năm	Tin chấp
Công ty Cổ phần chứng khoán Việt Nam Thịnh Vượng	10.000.000.000	Đáo hạn tháng 7 năm 2028	5%/năm	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.380.000.000	Đáo hạn tháng 12 năm 2025	Lãi suất tham chiếu + 0,8%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>108.380.000.000</b>			

Một số tài khoản tiền gửi với giá trị là 30 tỷ VND đã được thế chấp cho một số khoản vay ngân hàng của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26, và 30 tỷ VND đã được cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản công nợ với một đối tác doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.458.050.311	14.519.198.489
Chi phí trả trước khác	12.545.851.731	6.741.654.519
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>34.003.902.042</u></b>	<b><u>21.260.853.008</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	198.811.500.053	8.146.585.272
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	46.392.291.113	30.085.883.743
Chi phí tư vấn phát triển thị trường	3.272.289.786	9.088.127.780
Chi phí nâng cấp văn phòng	5.361.688.908	9.448.113.121
Chi phí trả trước dài hạn khác	31.606.276.109	8.995.831.672
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>285.444.045.969</u></b>	<b><u>65.764.541.588</u></b>

(\*) Chủ yếu bao gồm tiền đất trả trước cho các lô đất thuộc dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex với thời hạn trong 38 năm. Một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 180,9 tỷ VND đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Công ty và các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

**19. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Số cuối năm là giá trị của 4.000 chứng quyền được Công ty mua trong tháng 11 năm 2019 từ các đối tác doanh nghiệp. Đây là các chứng quyền do Công ty Nhựa An Phát Xanh (mã cổ phiếu: AAA), công ty con, đã phát hành vào tháng 11 năm 2018, có thời hạn 3 năm. Công ty sẽ được chuyển đổi từ chứng quyền sang cổ phiếu với tỷ lệ là 1 chứng quyền sẽ được quyền chuyển đổi thành 10.000 cổ phiếu AAA vào một trong bốn đợt lần lượt là 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng và 30 tháng kể từ ngày phát hành. Giá mua một cổ phần khi thực hiện chứng quyền là 14.000 VND và được điều chỉnh để chống pha loãng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Nhựa An Phát Xanh</i>	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Nhựa Hà Nội</i>
	<i>Tổng cộng</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm	210.244.218.842	-
- Tăng trong năm	-	496.627.345.273
Số cuối năm	<u>210.244.218.842</u>	<u>496.627.345.273</u>
<b>Phân bổ lũy kế:</b>		
Số đầu năm	31.536.632.826	-
- Phân bổ trong năm	21.024.421.884	8.277.122.421
Số cuối năm	<u>52.561.054.710</u>	<u>8.277.122.421</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm	<u>178.707.586.016</u>	-
Số cuối năm	<u>157.683.164.132</u>	<u>488.350.222.852</u>

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**21.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	744.782.851.264	744.782.851.264	613.483.447.465	613.483.447.465
<i>Đối tác doanh nghiệp số 2</i>	175.376.050.090	175.376.050.090	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	569.406.801.174	569.406.801.174	613.483.447.465	613.483.447.465
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	<u>377.164.453</u>	<u>377.164.453</u>	<u>9.494.100.000</u>	<u>9.494.100.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>745.160.015.717</b></u>	<u><b>745.160.015.717</b></u>	<u><b>622.977.547.465</b></u>	<u><b>622.977.547.465</b></u>

**21.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước tiền xây dựng hạ tầng, nhà xưởng	49.349.917.464	6.209.502.617
Trả trước tiền mua sản phẩm nhựa và bao bì	<u>49.470.552.419</u>	<u>37.667.043.225</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>98.820.469.883</b></u>	<u><b>43.876.545.842</b></u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước từ các bên khác</i>	98.820.469.883	43.876.545.842
<i>Trả trước từ các bên liên quan</i>	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.703.873.259	1.877.137.904	(3.245.757.934)	1.335.253.229
Thuế, phí khác	1.982.200	29.529.446	(11.977.061)	19.534.585
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.705.855.459</b>	<b>1.906.667.350</b>	<b>(3.257.734.995)</b>	<b>1.354.787.814</b>
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	244.321.932.018	(243.902.955.681)	418.976.337
Thuế xuất nhập khẩu	-	7.938.387.534	(7.931.156.936)	7.230.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.434.727.146	88.312.970.108	(70.601.449.339)	31.146.247.915
Thuế thu nhập cá nhân	721.228.230	9.120.241.095	(9.121.549.398)	719.919.927
Thuế, phí khác	-	1.663.940.586	(1.536.718.872)	127.221.714
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.155.955.376</b>	<b>351.357.471.341</b>	<b>(333.093.830.226)</b>	<b>32.419.596.491</b>

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng trích trước	29.112.640.642	-
Chi phí lãi vay phải trả	8.466.856.524	1.656.900.629
Chi phí phải trả khác	1.930.531.074	7.415.618.430
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.510.028.240</b>	<b>9.072.519.059</b>

**24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác nhận trước	41.875.937.911	453.141.818
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.875.937.911</b>	<b>453.141.818</b>
<b>Dài hạn</b>		
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác nhận trước	77.441.518.886	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>77.441.518.886</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.825.020.580	403.599.978.000
<i>Đối tác doanh nghiệp số 1 (i)</i>	5.209.978.000	366.599.978.000
<i>Công ty ANI (ii)</i>	-	37.000.000.000
<i>Khác</i>	615.042.580	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.222.394.349	5.477.204.514
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.047.414.929</b>	<b>409.077.182.514</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	14.805.442.327	409.077.182.514
<i>Phải trả khác ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 35)</i>	241.972.602	-
<b>Dài hạn</b>		
Nhận đặt cọc cho thuê nhà xưởng (iii)	24.231.793.347	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.231.793.347</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả dài hạn khác</i>	24.231.793.347	-
<i>Phải trả khác dài hạn cho bên liên quan</i>	-	-

- (i) Số dư đầu năm là khoản nhận đặt cọc từ Đối tác doanh nghiệp số 1 theo Hợp đồng đặt cọc số 0111/2018/HĐĐC để nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty An Vinh do Công ty nắm giữ. Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 13.727.410 cổ phần Công ty An Vinh cho đối tác doanh nghiệp này với tổng giá phí là 190 tỷ VND (như được trình bày tại Thuyết minh số 4). Công ty đồng thời cũng chuyển trả 171,39 tỷ VND tiền đặt cọc cho đối tác doanh nghiệp này. Theo đó, số dư cuối năm là khoản công nợ còn phải trả đối tác doanh nghiệp này sau khi thực hiện bù trừ công nợ từ các giao dịch trên.
- (ii) Số đầu năm là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 2018/HĐĐC giữa Công ty và Công ty ANI, theo đó Công ty ANI đặt cọc 37 tỷ VND để mua 4.800.000 cổ phần Công ty An Thành do Công ty nắm giữ. Trong năm, Công ty đã chuyển trả 37 tỷ VND tiền đặt cọc cho Công ty ANI.
- (iii) Số cuối năm là khoản đặt cọc nhận từ các bên đi thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động nhà xưởng và cơ sở hạ tầng của Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng								
(Thuyết minh số 26.1)	2.467.178.152.972	2.467.178.152.972	8.010.471.619.367	(7.835.931.929.073)	2.641.717.843.266	2.641.717.843.266		
Vay đối tượng khác								
(Thuyết minh số 26.3)	78.833.086.400	78.833.086.400	371.633.687.377	(398.182.900.825)	52.283.872.952	52.283.872.952		
Vay dài hạn đến hạn trả								
(Thuyết minh số 26.2)	-	-	38.460.805.980	-	38.460.805.980	38.460.805.980		
Trái phiếu phát hành								
(Thuyết minh số 26.4)	-	-	237.000.000.000	(237.000.000.000)	-	-		
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (thuyết minh số 26.5)								
Vay bên liên quan								
(Thuyết minh số 35)	245.394.748.411	245.394.748.411	23.594.030.689	(262.988.779.100)	6.563.749.996	6.563.749.996		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.791.405.987.783</b>	<b>2.791.405.987.783</b>	<b>8.688.817.851.743</b>	<b>(8.735.197.567.332)</b>	<b>2.745.026.272.194</b>	<b>2.745.026.272.194</b>		
<b>Vay dài hạn</b>								
Vay ngân hàng (*)								
(Thuyết minh số 26.2)	652.939.481.329	652.939.481.329	563.471.992.608	(297.046.259.698)	919.365.214.239	919.365.214.239		
Vay đối tượng khác								
(Thuyết minh số 26.3)	24.861.600.000	24.861.600.000	448.200.000.000	(166.461.600.000)	306.600.000.000	306.600.000.000		
Trái phiếu phát hành								
(Thuyết minh số 26.4)	666.063.136.363	666.063.136.363	194.935.363.632	(90.000.000.000)	770.998.499.995	770.998.499.995		
Nợ thuế tài chính								
(Thuyết minh số 26.5)	-	-	24.067.083.327	(1.093.958.334)	22.973.124.993	22.973.124.993		
Vay các bên liên quan								
(Thuyết minh số 35)	1.135.322.000	1.135.322.000	-	(1.135.322.000)	-	-		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.344.999.539.692</b>	<b>1.344.999.539.692</b>	<b>1.230.674.439.567</b>	<b>(555.737.140.032)</b>	<b>2.019.936.839.227</b>	<b>2.019.936.839.227</b>		

(\*) Số dư vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm khoản vay dài hạn với số tiền là 201.611.459.555 VND sẽ đến hạn thanh toán trong năm 2019, tuy nhiên Công ty và các công ty con chưa phân loại khoản vay này sang khoản mục vay dài hạn đến hạn trả.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 26.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	775.163.750.700	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 1 năm. Lãi vay trả vào ngày 15 đến 28 hàng tháng.	Lãi suất thả nổi và lãi suất cố định từ 3,6%-10%
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	1.683.382.349.691	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 15 đến 28 hàng tháng hoặc trả vào cuối kỳ	2,9%-4,9%
Các khoản vay ngân hàng bằng EUR	183.171.742.875	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 15 đến ngày 25 hàng tháng.	2,5%
<b>TỔNG CỘNG (*)</b>	<b>2.641.717.843.266</b>		

(\*) Trong đó số dư các khoản vay tín chấp là 356 tỷ VND và vay có tài sản đảm bảo là 2.285,7 tỷ VND. Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng một số chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại; một số phương tiện vận tải; máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và một số tài sản khác; hàng tồn kho tại các nhà máy; và một số bất động sản theo các hợp đồng thế chấp như được trình bày ở các thuyết minh tương ứng, và một số cổ phiếu của một số công ty con, được nắm bởi Công ty và các công ty con.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 26.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	940.941.529.121	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 5 năm. Lãi vay trả hàng tháng.	8% - 11,5%
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	16.884.491.098	Gốc vay được trả lần cuối vào tháng 12 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	5,5%

#### TỔNG CỘNG (\*)

**957.826.020.219**

Trong đó:

Vay dài hạn	919.365.214.239
Vay dài hạn đến hạn trả	38.460.805.980

(\*) Trong đó số dư các khoản vay tin chấp là 166,5 tỷ VND và vay có tài sản đảm bảo là 791,3 tỷ VND. Các các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các tài sản gắn liền với đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và lợi thế quyền thuê đất, quyền sử dụng hạ tầng trên đất, các hạng mục trên đất và tài sản khác theo các Hợp đồng thế chấp liên quan như được trình bày ở các thuyết minh tương ứng, và một số cổ phiếu của một số công ty con, được nắm bởi Công ty và các công ty con.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 26.3 Vay từ các đối tượng khác

Số dư vay ngắn hạn đối tượng khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các khoản vay margin từ các công ty chứng khoán theo các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán đảo hạn từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2020, với lãi suất từ 9,5% đến 11%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay này là danh mục một số cổ phiếu của một số công ty con, bao gồm 4.499.490 cổ phiếu AAA và 700.000 cổ phiếu NHH được sở hữu bởi công ty.

Chi tiết các khoản vay dài hạn không có tài sản đảm bảo từ các đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Everland	80.600.000.000 42.000.000.000 8.000.000.000	Tháng 11 năm 2021 Tháng 2 năm 2021 Tháng 2 năm 2021	8,5% 8,5% 8,5%	Tin chấp Tin chấp Tin chấp
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Yamato	100.000.000.000	Tháng 11 năm 2021	8,5%	Tin chấp
Công ty TNHH Phát triển YOTEI Nguyễn Kim Dương	50.000.000.000 26.000.000.000	Tháng 11 năm 2021 Tháng 7 năm 2021	8,5% 9,03%	Tin chấp Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>306.600.000.000</b>			

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 26.4 Trái phiếu phát hành

Chi tiết khoản trái phiếu dài hạn phát hành bằng VND theo mệnh giá được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	97.994.625.000	Hợp đồng đặt mua 100 trái phiếu kèm theo 2.000 chứng quyền, tương đương 100 tỷ VND. Số lượng cổ phần được phát hành là 10.000 cổ phần cho mỗi chứng quyền. Ngày phát hành trái phiếu là 8 tháng 11 năm 2018. Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm. Chứng quyền được quyền chuyển đổi sau thời hạn 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu.	6,5%	Tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu nắm giữ bởi Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh là 31.000.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ 18,11% vốn điều lệ hiện tại của Công ty Nhựa An Phát Xanh được nắm giữ bởi Công ty và 14.200.000 cổ phần, tương đương tỷ lệ 50,99% vốn điều lệ hiện tại của Công ty Nhựa An Phát Xanh được nắm giữ bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh.
Tập đoàn Shinhan Investment	195.989.250.000	Hợp đồng đặt mua 200 trái phiếu kèm theo 2.000 chứng quyền, tương đương 200 tỷ VND. Số lượng cổ phần được phát hành là 10.000 cổ phần cho mỗi chứng quyền. Ngày phát hành trái phiếu là 8 tháng 11 năm 2018. Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm. Chứng quyền được quyền chuyển đổi sau thời hạn 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu.	6,5%	
Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	97.994.624.995	Hợp đồng đặt mua 100 trái phiếu kèm theo chứng quyền, tương đương 100 tỷ VND. Ngày phát hành trái phiếu là 8 tháng 11 năm 2018. Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm.	6,5%	
Công ty Cổ phần chứng khoán Stanley Brothers	190.000.000.000	Trái phiếu phát hành vào tháng 12 năm 2019, có kỳ hạn 30 tháng, đáo hạn vào tháng 6 năm 2022. Tiền gốc thanh toán 1 lần khi trái phiếu đáo hạn. Lãi vay trả hàng tháng.	8%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Dương	99.475.000.000	Trái phiếu phát hành vào tháng 9 năm 2016, có kỳ hạn 5 năm. Tiền gốc thanh toán 1 lần khi trái phiếu đáo hạn.	8,8%	Tài sản đảm bảo là toàn bộ Nhà máy số 6 mở rộng tại cụm công nghiệp An Đồng – Hải Dương bao gồm quyền sử dụng đất, tài sản hình thành trên đất, máy móc thiết bị và nhà xưởng.
Ngân hàng Vietinbank KCN Hải Dương	89.545.000.000	Trái phiếu phát hành vào tháng 10 năm 2016, có kỳ hạn 5 năm. Tiền gốc thanh toán 1 lần khi trái phiếu đáo hạn.		Toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư cho dự án xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO <sub>3</sub> kèm thư bảo lãnh bổ sung của ông Phạm Ánh Dương - Chủ tịch HĐQT của Công ty.

**TỔNG CỘNG** 770.998.499.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**26.5 Nợ thuế tài chính**

Công ty An Trung, một công ty con, hiện đang thuê một số máy móc thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>					
Từ 1 năm trở xuống	9.065.386.563	2.501.636.567	-	-	-
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Trên 1-5 năm	28.588.912.232	5.615.787.239	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.654.298.795</b>	<b>8.117.423.806</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	624.409.218	26.305.175
Trích quỹ trong năm (*)	41.523.551.949	51.499.038.602
Tặng khác	12.220.000	-
Tặng do mua công ty con	13.090.090.921	-
Sử dụng trong năm	<u>(43.776.716.966)</u>	<u>(50.900.934.559)</u>
Số cuối năm	<u>11.473.555.122</u>	<u>624.409.218</u>

(\*) Trích quỹ trong năm bao gồm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 28.1.

2-04  
 TỶ  
 H  
 KOC  
 AM  
 ÁNH  
 ỒI  
 T.P.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 28.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Số đầu năm	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Đơn vị tính: VND	
							Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	1.100.000.000.000	-	-	158.818.819	82.249.289	(224.947.483.595)	1.115.579.066.430	1.990.872.650.943
- Tăng vốn trong năm	182.943.480.000	274.415.220.000	-	-	-	-	975.497.852.000	1.432.856.552.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	30.343.072.266	145.777.822.789	176.120.895.055
- Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	4.260.455.619	(4.260.455.619)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.598.437.863)	(37.900.600.739)	(51.499.038.602)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(9.619.368.164)	-	(9.619.368.164)
- Mua thêm một phần lợi ích trong công ty con hiện hữu (Thuyết minh số 4)	-	-	-	-	-	(47.455.796.310)	(456.320.522.824)	(503.776.319.134)
- Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	(158.818.819)	-	170.321.710	(22.028.053)	(10.525.162)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất	-	-	-	(39.715.243)	-	-	-	(39.715.243)
- Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát bởi công ty con	-	-	-	-	-	-	(95.256.474.500)	(95.256.474.500)
- Giám khác	-	-	-	-	-	5.284.036.973	(11.413.187.930)	(6.129.150.957)
Số cuối năm	1.282.943.480.000	274.415.220.000	-	(39.715.243)	4.342.704.908	(264.084.110.602)	1.635.941.927.173	2.933.519.506.236

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

### 28.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Quý đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	1.282.943.480.000	274.415.220.000	(39.715.243)	4.342.704.908	(264.084.110.602)	1.635.941.927.173	2.933.519.506.236
- Tăng vốn trong năm (i)	140.829.910.000	211.090.869.100	-	-	-	-	351.920.779.100
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	437.962.861.067	273.774.875.760	711.737.736.827
- Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (ii)	-	-	-	4.522.502.529	(4.522.502.529)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	(20.787.385.605)	(23.696.014.051)	(44.483.399.656)
- Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	(10.896.142.686)	-	(10.896.142.686)
- Mua thêm một phần lợi ích trong các công ty con hiện hữu (Thuyết minh số 4)	-	-	-	-	42.534.999.966	(80.441.274.243)	(37.906.274.277)
- Mua mới công ty con	-	-	-	-	-	214.132.203.630	214.132.203.630
- Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	-	-	(15.452.650.889)	(14.930.717.212)
- Giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty con không mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	521.933.677	-	-
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất	-	-	(298.062.826)	-	-	6.874.666.855	11.700.000.000
- Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát bởi công ty con	-	-	-	-	-	-	(298.062.826)
- Giảm khác	-	-	-	-	2.574.136.070	(51.006.418.000)	(51.006.418.000)
Số cuối năm	1.423.773.390.000	485.506.089.100	(337.778.069)	8.865.207.437	188.129.122.503	1.957.163.785.522	4.063.099.816.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**28.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

- (i) Vào ngày 9 tháng 1 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0109/2019/NQ-APH về việc chào bán riêng lẻ cho cá nhân bà Nguyễn Thị Tiệp số lượng 8.467.551 cổ phần với giá phát hành là 25.000 VND/cổ phần để bù trừ với nghĩa vụ phải trả khoản đi vay từ cá nhân này. Việc chào bán cổ phần này làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 85 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần thêm 127 tỷ VND.

Sau đó, vào ngày 20 tháng 6 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0620/2019/NQ-APH về việc chào bán riêng lẻ cho cá nhân bà Nguyễn Thị Tiệp với số lượng 2.500.000 cổ phần và giá phát hành là 25.000 VND/cổ phần. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, bà Nguyễn Thị Tiệp đã thực hiện mua 2.415.440 cổ phần trên tổng số 2.500.000 cổ phần được chào bán đợt này, qua đó, làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 24 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần thêm 36 tỷ VND.

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 150801/2019/NQ-ĐHĐCĐ về việc chào bán riêng lẻ cho cá nhân ông Nguyễn Văn Bình số lượng 1.600.000 cổ phần và cá nhân bà Đỗ Kim Anh số lượng 1.600.000 cổ phần với giá phát hành là 25.000 VND/cổ phần. Việc chào bán cổ phần này làm tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 32 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần thêm 48 tỷ VND.

- (ii) Các công ty con đã phân phối lợi nhuận của năm 2018 theo các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong năm.
- (iii) Chia cổ tức cho cổ phiếu ưu đãi theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018 giữa KB Securities Co., Ltd và Công ty.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 28.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: Cổ phiếu
	Tổng cộng	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng cộng	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	
Công ty TNHH IGG USA							
Việt Nam	52.000.000	52.000.000	-	-	-	-	-
Nguyễn Thị Tiệp	29.932.991	29.932.991	-	10.000.000	10.000.000	-	-
KB Securities Co., Ltd. (*)	14.114.880	-	14.114.880	14.114.880	-	14.114.880	14.114.880
Các cổ đông khác	46.329.468	46.329.468	-	104.179.468	104.179.468	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>142.377.339</b>	<b>128.262.459</b>	<b>14.114.880</b>	<b>128.294.348</b>	<b>114.179.468</b>	<b>14.114.880</b>	

(\*) Theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018, Công ty TNHH Chứng khoán KB ("KB") đã mua 14.114.880 cổ phần ưu đãi có giá trị tổng số tiền là 352.872.000.000 VND, trong đó số tiền 141.148.800.000 VND đã được ghi nhận vào vốn cổ phần đã góp theo mệnh giá cổ phiếu ưu đãi và phần còn lại với số tiền là 211.723.200.000 VND đã được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần ưu đãi có giá trị này có mức cổ tức phải trả tương đương với 3%/năm của giá phát hành ban đầu. Cổ phần ưu đãi có tức có quyền hoàn đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty theo quyền chọn của KB bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian (i) bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ hạn ba mươi (30) tháng kể từ ngày phát hành hoặc vào ngày kết thúc một đợt phát hành cổ phần phổ thông lần đầu ra công chúng (IPO), tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, và (ii) ngày cuối cùng của thời hạn năm (5) năm kể từ ngày phát hành và một số quyền chọn khác của KB được quy định trong Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và Hợp đồng quyền chọn ngày 31 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**28.3 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi</i>	10.896.142.686	9.619.368.164

**28.4 Cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phần đăng ký phát hành</b>				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	128.262.459	1.282.624.590.000	114.179.468	1.141.794.680.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	14.114.880	141.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000
<b>Cổ phần đã bán ra công chúng</b>				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	128.262.459	1.282.624.590.000	114.179.468	1.141.794.680.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	14.114.880	141.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000
<b>Cổ phần đang lưu hành</b>				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	128.262.459	1.282.624.590.000	114.179.468	1.141.794.680.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	14.114.880	141.148.800.000	14.114.880	141.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 10.000 VND/cổ phần).

**29. DOANH THU**

**29.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>9.533.506.528.029</b>	<b>8.035.142.439.527</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	4.511.453.230.025	4.153.652.775.678
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	4.207.304.851.106	3.808.563.575.715
<i>Doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp</i>	706.861.933.137	-
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	86.947.897.526	72.907.513.588
<i>Doanh thu hoạt động khác</i>	20.938.616.235	18.574.546
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(20.310.950.477)</b>	<b>(7.804.571.068)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>9.513.195.577.552</b>	<b>8.027.337.868.459</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	9.397.633.949.665	8.027.337.868.459
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	115.561.627.887	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. DOANH THU** (tiếp theo)

**29.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi từ đánh giá lại giá trị đầu tư trong giao dịch hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 4.1)	241.113.415.115	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	129.316.590.314	40.389.794.225
Lãi từ chuyển nhượng công ty con (Thuyết minh số 4.2)	72.552.926.142	3.024.900.364
Lãi chênh lệch tỷ giá	38.282.072.933	21.592.240.991
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.978.738.853	2.425.916.685
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>483.243.743.357</u></b>	<b><u>67.432.852.265</u></b>

**29.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	21.433.566.916	-
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	6.415.514.373	-

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	4.393.745.695.606	4.042.371.924.913
Giá vốn thành phẩm đã bán	3.560.509.856.178	3.269.074.523.540
Giá vốn bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	397.918.614.361	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	61.063.742.435	41.746.795.690
Giá vốn hoạt động khác	18.278.817.361	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.431.516.725.941</u></b>	<b><u>7.353.193.244.143</u></b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	268.431.981.151	129.275.096.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.061.452.328	47.554.007.530
Chi phí tài chính khác	15.301.628.214	35.389.522.260
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>316.795.061.693</u></b>	<b><u>212.218.626.054</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	146.701.757.398	105.031.146.650
- Chi phí nhân công	25.867.034.689	20.644.128.350
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.422.864.677	14.561.058.474
- Chi phí nguyên vật liệu	547.773.649	4.695.505.310
- Chi phí khác	30.694.490.622	12.100.104.966
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>220.233.921.035</b>	<b>157.031.943.750</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân công	79.538.296.340	44.526.629.126
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.883.707.996	57.053.708.401
- Phân bổ lợi thế thương mại ( <i>Thuyết minh số 20</i> )	29.301.544.305	27.153.572.841
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.430.160.809	12.677.066.600
- Chi phí nguyên vật liệu	1.287.241.993	863.608.661
- Chi phí khác	36.098.662.265	28.886.320.374
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>237.539.613.708</b>	<b>171.160.906.003</b>

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	3.199.708.540.437	3.435.275.421.109
Chi phí nhân công	426.231.215.895	254.521.092.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	267.942.758.441	238.822.677.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	498.412.308.944	368.961.231.839
Phân bổ lợi thế thương mại ( <i>Thuyết minh số 20</i> )	29.301.544.305	27.153.572.841
Chi phí khác	109.846.182.596	41.348.553.305
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.531.442.550.618</b>	<b>4.366.082.549.583</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ những trường hợp sau đây:

- ▶ Công ty Nhựa An Phát Xanh được miễn thuế 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2016) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 5. Thuế suất thuế TNDN trong năm 2019 cho hoạt động này là 10%.
- ▶ Đối với dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp An Phát Complex của Công ty An Phát Complex, thuế suất thuế TNDN hàng năm đến năm 2026 là 5%, năm 2027 là 10% và trong các năm tiếp theo sau đó là 20% do Công ty An Phát Complex được kế thừa các ưu đãi thuế từ nhận chuyển nhượng dự án cũ.
- ▶ Đối với Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub> mở rộng và bột đá CaCO<sub>3</sub> của Công ty An Tiến, theo công văn số 2093/CT-TTHTNNT của Cục thuế tỉnh Yên Bái ngày 20 tháng 6 năm 2019, Công ty An Tiến được miễn thuế TNDN trong 2 năm (từ năm 2018 đến năm 2019) và được giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2023) với phần thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng.
- ▶ Công ty An Thành Singapore chịu thuế suất 17% theo Luật thuế TNDN của Singapore.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 34.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	87.653.042.996	42.772.027.927
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	22.897.278.795	(936.618.304)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.550.321.791</b>	<b>41.835.409.623</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**34.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>818.002.578.438</b>	<b>217.956.304.678</b>
Thuế TNDN theo các thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con	147.171.759.584	40.195.353.331
<i>Thuế suất thuế TNDN 20%</i>	132.327.468.694	31.225.174.128
<i>Thuế suất thuế TNDN 17%</i>	220.323.193	-
<i>Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10%</i>	13.245.813.363	8.970.179.203
<i>Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 5%</i>	1.378.154.334	-
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	16.826.347.107	3.458.806.779
Điều chỉnh lãi/lỗ phát sinh trên báo cáo hợp nhất từ các giao dịch chuyển nhượng vốn	(46.068.250.099)	(1.532.976.983)
Lỗ của các công ty con	1.705.695.374	2.087.094.465
Phân bổ lợi thế thương mại	5.860.308.861	-
Thuế TNDN trích thừa năm trước	(4.824.006.476)	-
Thuế TNDN được miễn, giảm kỳ này	(2.020.413.838)	(521.012.051)
Lãi từ công ty liên doanh, liên kết	(5.036.780.252)	-
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(3.361.071.248)	(1.851.855.918)
Điều chỉnh khác	296.732.778	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>110.550.321.791</b>	<b>41.835.409.623</b>

**34.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**34.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chênh lệch tạm thời liên quan lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	189.900.417	709.491.809	519.591.392	-
	<b>189.900.417</b>	<b>709.491.809</b>		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch phát sinh liên quan đến phân bổ thu nhập chịu thuế theo thời gian (*)	22.376.004.289	-	22.376.004.289	-
Chênh lệch khác	10.961.279	9.278.165	1.683.114	(936.618.304)
	<b>22.386.965.568</b>	<b>9.278.165</b>		
<b>Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>22.897.278.795</b>	<b>(936.618.304)</b>

(\*) Đối với các hợp đồng cho thuê dài hạn đất và hạ tầng khu công nghiệp đủ điều kiện ghi nhận doanh thu một lần, Công ty An Phát Complex, công ty con, lựa chọn phương pháp kê khai thuế TNDN hàng kỳ trong suốt thời hạn cho thuê theo hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nhận gốc vay	Trả gốc vay	Chuyển đổi thành vốn góp vào Công ty (Thuyết minh số 28)	Nhận góp vốn bằng tiền (Thuyết minh số 28)	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND	
							Nhận đặt cọc	Tạm ứng
Bà Nguyễn Thị Tiên Công ty An Trung	Lãnh đạo chủ chốt cổ đông Công ty liên kết (từ ngày 5 tháng 4 năm 2019 đến ngày 7 tháng 11 năm 2019) Cổ đông		211.688.775.100	60.386.000.000	25.295.543.792			
Ông Nguyễn Văn Bình Bà Đỗ Kim Anh	Cổ đông Cổ đông			40.000.000.000 40.000.000.000				
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết (đến ngày 7 tháng 11 năm 2019) Lãnh đạo chủ chốt	16.300.000.000	51.300.000.000		89.388.891.511	104.000.000.000	46.210.127.563	46.485.878.377

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nhận vay	Trả gốc vay	Đơn vị tính: VND
Bà Nguyễn Thị Tiên	Lãnh đạo chủ chốt	210.394.748.411		Cho vay
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết (đến ngày 7 tháng 11 năm 2019)	35.000.000.000		
Công ty An Phát Finance	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt			
Ông Phạm Anh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	13.604.746.353	13.604.746.353	34.580.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	5.981.980.000	4.846.658.000	

#### Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Các khoản vay, cho vay, đầu tư, số dư các khoản phải thu, phải trả đối với bên liên quan của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</b>				
Công ty TNHH Linh kiện nhựa Vinfast – An Phát (“Công ty Vinfast – An Phát”)	Công ty liên doanh	Phải thu về bán nguyên vật liệu	7.212.297.365	-
			<b>7.212.297.365</b>	-
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)</b>				
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Trả trước tiền mua phần mềm	357.724.400	-
			<b>357.724.400</b>	-
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty TLC Korea	Công ty nắm giữ để bán	Cho vay	5.315.300.000	-
Công ty An Phát Finance	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt (đến ngày 23 tháng 7 năm 2019)	Cho vay	-	34.580.000.000
			<b>5.315.300.000</b>	<b>34.580.000.000</b>
<b>Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 9)</b>				
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	1.399.831.648	19.143.769.736
Các bên liên quan khác	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	4.237.989.923	7.622.134.964
			<b>5.637.821.571</b>	<b>26.765.904.700</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 21.1)</b>				
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	9.331.410.000
Công ty Vinfast – An Phát	Công ty liên doanh	Mua hàng hóa	377.164.453	-
Các bên liên quan khác			-	162.690.000
			<b>377.164.453</b>	<b>9.494.100.000</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 25)</b>				
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	241.972.602	-
			<b>241.972.602</b>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đi vay các bên liên quan không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau (*Thuyết minh số 26*):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Nam Việt	Công ty liên kết	6.000.000.000	8%	Tháng 3 năm 2020
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6.000.000.000</b>		

Chi tiết các khoản đi vay các bên liên quan không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau (*Thuyết minh số 26*):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số đầu năm (VND)</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết (đến tháng 11 năm 2019)	35.000.000.000	6,5%	Tháng 12 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Tien	Lãnh đạo chủ chốt	210.394.748.411	4,5%	Tháng 1 năm 2019
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>245.394.748.411</b>		
<b>Dài hạn</b>				
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	1.135.322.000	0%	Tháng 4 năm 2019
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.135.322.000</b>		

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng thu nhập	3.937.392.676	1.343.116.770
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.937.392.676</b>	<b>1.343.116.770</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	437.962.861.067	30.343.072.266
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(20.787.385.605)
Lợi tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	<u>(10.896.142.686)</u>	<u>(9.619.368.164)</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>427.066.718.381</u></b>	<b><u>(63.681.503)</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	124.400.462	111.992.404
Ảnh hưởng suy giảm (**)	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b><u>124.400.462</u></b>	<b><u>111.992.404</u></b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	3.433	(1)
- Lãi suy giảm	3.433	(1)

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2018.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2019 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(\*\*) Như được trình bày tại Thuyết minh số 28.2, chủ sở hữu cổ phần ưu đãi của Công ty chưa đủ điều kiện thực hiện việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi sang cổ phần phổ thông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Theo đó, Công ty và các công ty con không tính ảnh hưởng suy giảm lãi trên cổ phiếu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty và các công ty con cũng lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu (năm 2018: bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là chính yếu) vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động bởi những khác biệt về địa điểm theo địa điểm tài sản của Công ty và các công ty con. Các hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được tổ chức và quản lý theo địa điểm kinh doanh của Công ty và các công ty con.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo thứ yếu (năm 2018: bộ phận theo địa lý là thứ yếu) vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Công ty và các công ty con theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Công ty và các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Công ty và các công ty (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

### 37.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý (tính theo xuất xứ của hàng hóa) của Công ty và các công ty con như sau:

Doanh thu	Việt Nam		Cộng hòa Singapore		Điều chỉnh và loại trừ		Đơn vị tính: VND
						Tổng cộng	
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	8.509.543.989.848	-	1.003.651.587.704	-	-	9.513.195.577.552	
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	149.781.744.843	(149.781.744.843)	-	-	-	
Tổng doanh thu	8.509.543.989.848	149.781.744.843	1.153.433.332.547	(149.781.744.843)	-	9.513.195.577.552	
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>							
Khấu hao và hao mòn	297.244.302.746	-	-	-	-	297.244.302.746	
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	25.183.901.258	-	-	-	-	25.183.901.258	
Thu nhập trước thuế theo bộ phận	619.967.202.245	-	3.938.114.623	-	-	623.905.316.868	
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ	-	-	-	198.382.741.750	-	198.382.741.750	
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>							
Đầu tư vào công ty liên kết	197.294.461.152	-	-	-	-	197.294.461.152	
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	467.005.735.645	-	-	-	-	467.005.735.645	
Tài sản bộ phận	6.943.659.160.982	-	46.496.233.830	-	-	6.990.155.394.812	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	2.997.841.491.127	-	2.997.841.491.127	
Tổng tài sản	979.103.498.488	-	77.738.496.813	-	-	9.987.996.885.939	
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	-	-	-	-	-	1.056.841.995.301	
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.868.055.074.145	-	4.868.055.074.145	
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	5.924.897.069.446	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**37.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày** (tiếp theo)

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Dưới đây là thông tin về doanh thu của Công ty và các công ty con theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Năm nay</i>
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì	8.719.385.746.889
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	706.861.933.137
Cung cấp dịch vụ	86.947.897.526
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.513.195.577.552</u></b>

Dưới đây là thông tin về giá trị còn lại của tài sản của Công ty và các công ty con theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Số cuối năm</i>
Tài sản phân bổ theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh	6.990.155.394.812
<i>Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì</i>	5.617.951.215.442
<i>Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp</i>	1.251.178.101.906
<i>Dịch vụ vận chuyển</i>	121.026.077.464
Tài sản không phân bổ	2.997.841.491.127
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.987.996.885.939</u></b>

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 37.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

##### Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
<b>Tài sản bộ phận</b>					
Tài sản bộ phận	8.139.672.451.604	1.575.987.754.710	2.487.639.486.587	(4.012.037.493.612)	8.191.262.199.289
Nợ phải trả bộ phận	3.796.134.821.813	1.304.776.630.866	837.739.802.876	(680.908.562.502)	5.257.742.693.053
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>					
Doanh thu thuần	5.535.714.718.416	4.610.033.633.728	187.141.816.174	(2.305.552.299.859)	8.027.337.868.459
Kết quả hoạt động kinh doanh	203.584.598.903	6.081.765.868	(2.168.377.110)	(31.377.092.606)	176.120.895.055

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**37.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày** (tiếp theo)

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Dưới đây là thông tin về doanh thu của Công ty và các công ty con theo khu vực địa lý:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Năm trước</i>
Việt Nam	6.758.656.107.668
Cộng hòa Singapore	1.268.681.760.791
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>8.027.337.868.459</u></b>

Dưới đây là thông tin về tổng tài sản của Công ty và các công ty con theo khu vực địa lý:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Năm trước</i>
Việt Nam	8.095.868.693.474
Cộng hòa Singapore	95.393.505.815
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>8.191.262.199.289</u></b>

**38. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty và các công ty con hiện đang thuê đất, nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	12.470.868.305	3.589.032.460
Từ 1 – 5 năm	32.099.295.703	10.580.297.778
Trên 5 năm	64.074.469.315	66.242.811.761
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>108.644.633.323</u></b>	<b><u>80.412.141.999</u></b>

**Cam kết cho thuê hoạt động**

Công ty và các công ty con hiện đang cho thuê nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	9.939.283.200	-
Từ 1 – 5 năm	39.757.132.800	-
Trên 5 năm	9.176.817.639	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>58.873.233.639</u></b>	<b><u>-</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

***Các cam kết khác***

Công ty Nhựa An Phát Xanh, công ty con của Công ty, và Công ty An Cường đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm ván sàn với một đối tác doanh nghiệp nước ngoài (bên cấp phép). Theo đó, Công ty Nhựa An Phát Xanh đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn quy định hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Công ty An Phát Complex, công ty con của Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc triển khai xây dựng nhà xưởng và hạ tầng khu công nghiệp. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 ước tính là 406,8 tỷ VND.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 9, theo điều khoản của Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yên, phí khai thác cố định hàng tháng mà Công ty nhận được vào khoảng 205 triệu đồng.

**39. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	3.682.844,13	5.439.642,69
- Euro (EUR)	88.345,17	40.784,63
- Đồng bảng Anh (GBP)	101,89	951,54
- Đô la Singapore (SGD)	37.510,78	1.362.290,00
- Won Hàn Quốc (KRW)	239.000,00	-
- Đồng Yên Nhật (JPY)	447.000,00	-
- Dirham (DIR)	1.680,00	-
- Nhân dân tệ (CNY)	1.392,00	-

**40. PHÂN LOẠI LẠI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM TRƯỚC**

Trong năm 2019, Công ty và các công ty con đã phân loại lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay (việc phân loại lại này không làm thay đổi báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được trình bày trước đây). Chi tiết như sau:

<i>Mã số</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
		<i>Năm trước (Được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>				
11	Tăng các khoản phải trả	449.012.615.414	(403.599.978.000)	45.412.637.414
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>441.323.157.684</b>	<b>(403.599.978.000)</b>	<b>37.723.179.684</b>
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	51.425.592.290	403.599.978.000	455.025.570.290
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	<b>(3.316.713.862.403)</b>	<b>403.599.978.000</b>	<b>(2.913.113.884.403)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**41. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Vào ngày 9 tháng 1 năm 2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi công văn số 265/UBCK-GSDC chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Công ty cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings, theo đó, Công ty trở thành công ty đại chúng.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Nguyễn Thị Lan  
Người lập



Hồ Thị Hòe  
Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường  
Quyền Phó Tổng Giám đốc  
Thường trực



Ngày 6 tháng 3 năm 2020